TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Thế H sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Lê Ánh N sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - anh Lưu Thế H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lưu Thế H và chị Lê Ánh N quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng năm năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2015.

Theo anh H, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng ba năm đầu cùng với gia đình anh H tại thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khi chị N mang thai con đầu lòng thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị N hay ghen tuông vô cớ dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau và mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị N lại có hành vi đập phá đồ đạc trong gia đình. Ngoài ra, anh H còn nghi ngờ chị N đã thuê người tạt axit gây thương tích (khoảng 10%) cho anh H nhưng anh H không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa án. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng cả hai vẫn không thể chung sống với nhau. Từ khoảng tháng 10/2019, chị N đã tự ý đem con về nhà cha mẹ đẻ của chị N ở xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai sống cho đến nay, từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Ánh N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lưu Thiên A, sinh ngày 22/01/2019, hiện con chung đang sống với chị N. Theo đơn khởi kiện ban đầu, khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Ngày 27/12/2022, anh H có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện và tự nguyện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Lưu Thế H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai đề ngày 26 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - chị Lê Ánh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Ánh N thừa nhận chị và anh Lưu Thế H yêu nhau được khoảng sáu năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2015 như anh H trình bày là đúng.

Theo chị N, sau khi kết hôn chị chung sống với gia đình anh H tại thành phố Hồ Chí Minh, cuộc sống vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con và có biểu hiện không chung thủy (sự việc này chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh). Mặt khác, chị N không thừa nhận việc anh H cho rằng chị đã thuê người tạt axit anh H, mặc dù chị N đã nói rõ với anh H nhưng anh H không tin chị dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng cuối năm 2019 cho đến nay, chị N đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ của chị N ở xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai sống cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai và cũng không liên hệ với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, chị N không đồng ý ly hôn vì chị N là người theo đạo Công giáo và chị N xác định vẫn còn tình cảm với anh H, chị N mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị N thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lưu Thiên A, sinh ngày 22/01/2019 và hiện con chung đang sống với chị N.

Đặt giả thiết, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Lê Ánh N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lưu Thế H và chị Lê Ánh N được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lưu Thiên A, sinh ngày 22/01/2019 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lưu Thế H và chị Lê Ánh N tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2015, căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, anh H và chị N đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 10/2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; lời khai này phù hợp với lời khai của chị N có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh ngày 22/12/2022 tại Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định: *"... Chị Lê Ánh N và cháu Lưu Thiên A hiện đang sinh sống tại số nhà A, ấp D, xã G, huyện T ..."* và tại Phiếu yêu cầu xác minh số 27/PYC-TA ngày 27/12/2022 của Công an phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh xác định: *"... hiện tại chị Lê Ánh N không còn cư ngụ tại địa phương..."*. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị N thì chính quyền địa phương nơi anh H và chị N sinh sống đều không nắm được do không nhận được đơn trình báo từ anh H hay chị N. Xét mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn, nhận thấy: Chị N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nhưng vì bản thân chị N là người theo đạo Công giáo và chị N xác định vẫn còn tình cảm với anh H nên chị N không đồng ý ly hôn, chị N mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chị được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị N cũng thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với anh H, chị N mong thời gian anh H sẽ suy nghĩ lại và về sống cùng mẹ con chị nhưng không được anh H đồng ý. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng chị N đều không đến thể hiện việc chị N không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh H nên yêu cầu đoàn tụ của chị N là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Anh H và chị N có một con chung là cháu Lưu Thiên A, sinh ngày 22/01/2019.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Hiện con chung đang sống cùng với chị N và chị N đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung. Ý kiến của anh H và chị N có trong hồ sơ vụ án đều thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe

mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động; ý kiến của anh H phù hợp với yêu cầu của chị N và quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H và chị N đều xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Lưu Thế H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Lưu Thế H và chị Lê Ánh N được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Lưu Thiên A, sinh ngày 22/01/2019 cho chị Lê Ánh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 *Về cấp dưỡng*: Anh Lưu Thế H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Anh Lưu Thế H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Lưu Thế H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009116 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh Lưu Thế H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND phường B, quận C, Tp.HCM; (GCNKH số 42/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang